

KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2019 VÀ BIỆN PHÁP THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU NĂM 2020

PGS.TS. Đinh Trọng Thịnh*

Kinh tế Việt Nam năm 2019 tương đối khởi sắc theo chiều hướng phát triển mạnh mẽ ở tất cả các phương diện. Về cơ bản, Việt Nam đã hoàn thành thắng lợi toàn diện và vượt mức các mục tiêu kế hoạch năm 2019 do Quốc hội đề ra. Để thực hiện được các chỉ tiêu kế hoạch trong năm 2020 cần có những biện pháp kiên quyết và sát thực với nền kinh tế.

• Từ khóa: thành tựu kinh tế 2019, biện pháp thực hiện các chỉ tiêu kinh tế 2020.

Vietnam's economy in 2019 is relatively prosperous in the direction of robust development in all aspects. Basically, Vietnam has achieved a comprehensive victory and exceeded the 2019 plan targets set by the National Assembly. In order to realize the planned targets in year 2020, it is necessary to have resolute and realistic measures to the economy.

• Keywords: economic achievements in 2019, measures to implement economic targets 2020.

Ngày nhận bài: 4/12/2019

Ngày chuyển phân biên: 6/12/2019

Ngày nhận phân biên: 19/12/2019

Ngày chấp nhận đăng: 23/12/2019

1. Những thành tựu kinh tế năm 2019

Mặc dù nền kinh tế thế giới có xu hướng tăng trưởng chậm lại bởi cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung, các bất đồng và căng thẳng thương mại Nhật Bản - Hàn Quốc, căng thẳng thương mại giữa Mỹ và một số quốc gia trong EU, Thổ Nhĩ Kỳ, ... Theo số liệu chính thức của Tổng cục Thống kê, nền kinh tế Việt Nam đạt mức tăng trưởng GDP khoảng 7,02%, vượt chỉ tiêu do Quốc hội đề ra và là mức tăng trưởng cao trong những năm qua.

Tăng trưởng kinh tế cao, nhưng quan trọng không kém là kinh tế vĩ mô vẫn ổn định, chỉ số giá tiêu dùng CPI khoảng 2,79%, chỉ số lạm phát cơ bản được kiểm soát ở mức khoảng 2,01%. Thu NSNN dự tính vượt so với kế hoạch là 3,4%, trong đó thu nội địa tăng 5,8%, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu gần như năm 2018, còn thu từ dầu thô và thu từ viện trợ chỉ đạt khoảng 80% so với năm

2018. Đáng chú ý, trong cơ cấu nguồn thu đã có sự chuyển biến tích cực khi thu từ nội địa đã chiếm trên 84% tổng thu NSNN. Thâm hụt ngân sách nhà nước ở mức thấp so với các năm trước, chỉ khoảng 3,4% GDP. Nợ công của Việt Nam năm 2019 theo báo cáo của Bộ Tài chính trước Quốc hội giảm bằng 56,1% GDP, nợ Chính phủ ở mức 49,2% GDP, nợ nước ngoài khoảng 45,8% GDP, đảm bảo trong giới hạn Quốc hội cho phép và thấp hơn dự kiến trong kế hoạch tài chính trung hạn. Tổng kết năm 2019, tỉ giá VND/USD tăng dưới 2,0%.

Nền kinh tế Việt Nam đã phát triển toàn diện hơn. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng khoảng 2,01% (năm 2018 tăng 3,76%), đóng góp 4,6% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,9%, đóng góp 50,4%; khu vực dịch vụ tăng 7,3%, đóng góp 45%. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt mức tăng trưởng thấp do hạn hán, biến đổi khí hậu ảnh hưởng tới năng suất và sản lượng cây trồng. Ngành chăn nuôi thiệt hại nặng nề bởi dịch tả lợn châu Phi. Các hàng hóa nông sản gặp khó khăn về thị trường tiêu thụ và giá xuất khẩu sụt giảm. Trong đó, ngành nông nghiệp tăng 0,61%, thấp nhất trong giai đoạn 2012-2019, đóng góp 0,07% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Điểm sáng của khu vực này là ngành thủy sản đạt kết quả khá với mức tăng 6,3%, đóng góp 0,21%; ngành lâm nghiệp tăng 4,98% nhưng chiếm tỷ trọng thấp nên chỉ đóng góp 0,04%.

Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp duy trì mức tăng trưởng khá 8,86%, đóng góp 2,91% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Công nghiệp

* Học viện Tài chính

chế biến, chế tạo tiếp tục khẳng định là điểm sáng của khu vực này, là động lực chính của tăng trưởng toàn nền kinh tế với mức tăng cao 11,29%, đóng góp 2,33%. Ngành công nghiệp khai khoáng tăng 1,29%, đóng góp 0,09%. Ngành xây dựng duy trì mức tăng trưởng khá với tốc độ 9,1%, đóng góp 0,66%.

Khu vực dịch vụ năm nay tăng khoảng 7,3%, cao hơn mức tăng 6,75% của cùng kỳ năm 2018. Dịch vụ du lịch tăng trưởng mạnh mẽ. Trong năm 2019, lượng khách quốc tế đến Việt Nam đạt 18,008 triệu lượt người, tăng 16,2% so với 2018. Doanh thu từ hoạt động du lịch tăng khoảng 12,2% so với cùng kỳ năm 2018 do một số địa phương có thế mạnh về du lịch đã triển khai các chương trình quảng bá thu hút khách trong và ngoài nước. Trong khu vực dịch vụ, đóng góp của một số ngành dịch vụ thị trường có tỷ trọng lớn vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm như: Bán buôn và bán lẻ tăng 8,82% so với 2018 là ngành có tốc độ tăng trưởng cao thứ 2 trong khu vực dịch vụ, nhưng là ngành trong khu vực dịch vụ có đóng góp lớn nhất vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế (0,96%); hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 8,62%, đóng góp 0,56%; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 6,71%, đóng góp 0,28%; ngành vận tải, kho bãi tăng cao nhất với mức 9,12%, đóng góp 0,3%.

Về cơ cấu nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 13,06% GDP; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 34,49%; khu vực dịch vụ chiếm 41,64%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 9,91% (cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2018 là: 14,68%; 34,23%; 41,12%; 9,97%).

Chất lượng tăng trưởng kinh tế được cải thiện rõ nét. Năm 2019, đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GDP đạt 46,11%, bình quân giai đoạn 2016-2019 đạt 44,46%, cao hơn nhiều so với mức bình quân 33,58% của giai đoạn 2011-2015. Năng suất lao động của toàn nền kinh tế theo giá hiện hành năm 2019 ước tính đạt 110,4 triệu đồng/lao động (tương đương 4.791 USD/lao động, tăng 272 USD so với năm 2018); theo giá so sánh, năng suất lao động tăng 6,2% do lực lượng lao động được bổ sung và số lao động có việc làm năm 2019 tăng cao.

Hiệu quả đầu tư được cải thiện với nhiều năng lực sản xuất mới bổ sung cho nền kinh tế. Chỉ số

hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (Hệ số ICOR) giảm từ mức 6,42 năm 2016 xuống 6,11 năm 2017; 5,97 năm 2018; năm 2019 ước tính đạt 6,07. Bình quân giai đoạn 2016-2019 hệ số ICOR đạt 6,14, thấp hơn so với hệ số 6,25 của giai đoạn 2011-2015.

Trong năm qua, nền kinh tế đã lấy xuất khẩu làm động lực với mức tăng trưởng xuất khẩu tương đối ấn tượng với mức tăng cao khoảng 8,1% (vượt chỉ tiêu tăng trưởng 7-8% do Quốc hội đề ra) và kim ngạch nhập khẩu tăng trưởng khoảng 7,0% (trong đó nhập khẩu hàng tư liệu sản xuất chiếm hơn 91%).

Kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2019 đã vượt mức 517 tỷ USD. Trong kim ngạch xuất khẩu năm 2019, có 30 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm tới 91,6% tổng kim ngạch xuất khẩu; trong đó có 5 mặt hàng đạt kim ngạch trên 10 tỷ USD (chiếm 59,6%) là: điện thoại và linh kiện đạt 48,7 tỷ USD; điện tử, máy tính và linh kiện đạt 32,4 tỷ USD; hàng dệt may đạt 29,9 tỷ USD; giày dép đạt 16,5 tỷ USD; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 16,5 tỷ USD. Đây là đặc điểm rất đáng chú ý của xuất khẩu năm 2019, đó là các mặt hàng xuất khẩu chủ lực chủ yếu là các mặt hàng thuộc công nghiệp chế biến, chế tạo và hàng hóa công nghệ cao.

Năm 2019 cũng ghi nhận một kỷ lục khi xuất siêu xuất nhập khẩu hàng hóa đạt mức cao khoảng 9,9 tỷ USD. Cán cân vãng lai thương mại, dịch vụ tiếp tục thặng dư ước khoảng 5,2 tỷ USD, cao hơn nhiều năm 2018. Đặc biệt xuất khẩu thủy sản và rau, củ, quả đạt mức tăng trưởng ấn tượng. Xuất khẩu nông, lâm sản vẫn đạt mức ấn tượng trên 41,5 tỉ USD.

Năm 2019, khu vực kinh tế trong nước chuyển biến tích cực khi đạt tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu 17,7%, cao hơn nhiều so với khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (chỉ tăng trưởng 4,2%), với tỷ trọng trong tổng kim ngạch xuất khẩu tăng lên so với năm 2018, mặc dù kim ngạch xuất khẩu của khu vực kinh tế trong nước mới đạt xấp xỉ 45% so với khu vực FDI (tức kim ngạch xuất khẩu của các DN trong nước chỉ chiếm khoảng 31,2% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước).

Theo Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), năm 2019, vốn đầu tư nước ngoài đầu tư vào Việt Nam đạt 38,02 tỷ USD, tăng 7,2% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, giải ngân vốn đầu tư đạt về vốn đăng ký góp mới, cả nước có 3.883 dự

án được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với 16,75 tỷ USD, bằng 93,2% so với cùng kỳ năm 2018. Bên cạnh đó, có 1.381 lượt dự án đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư, tăng 18,1% so với cùng kỳ năm 2018. Tổng vốn đăng ký điều chỉnh là 5,8 tỷ USD, bằng 76,4% so với cùng kỳ năm 2018. Về vốn đầu tư thông qua góp vốn, mua cổ phần đạt 15,47 tỷ USD, tăng 56,4% so với cùng kỳ năm 2018 và chiếm 40,7% tổng vốn đăng ký.

Vốn FDI thực hiện trong năm 2019 cao kỷ lục với mức giải ngân hơn 20,38 tỷ USD, tăng 6,7% so với cùng kỳ năm 2018.

Kinh tế tư nhân đã thực sự trở thành một động lực tăng trưởng của nền kinh tế. Với sự quan tâm của Chính phủ và các cơ quan hữu quan, khu vực kinh tế tư nhân đã ngày càng được đối xử bình đẳng, được tạo môi trường kinh doanh năng động và có đóng góp ngày càng lớn trong GDP, giải quyết nhiều công ăn việc làm cho người lao động.

Khu vực đầu tư tư nhân trong năm 2019 đã có bước phát triển mạnh mẽ, chiếm đến 46% tổng đầu tư xã hội. Về cơ cấu vốn đầu tư toàn xã hội, đầu tư của khu vực tư nhân năm 2019 chiếm 46%, của khu vực nhà nước đạt 31% và khu vực FDI đạt 23%. Năm 2019 có 138.100 doanh nghiệp mới thành lập (tăng 5,2% so với năm 2018) với tổng số vốn đăng ký là 1.730,2 nghìn tỷ đồng (tăng 17,1% so với 2018), bình quân 1 doanh nghiệp là 12,5 tỷ đồng (tăng 15,9% so với 2018), tạo việc làm cho 1.254,2 nghìn lao động; có 39.400 doanh nghiệp tạm dừng hoạt động quay lại kinh doanh, tăng 15,9% so với 2018; có 28.700 DN tạm ngừng hoạt động (tăng 5,9% so với 2018) và 16,8 nghìn DN giải thể (tăng 3,2% so với 2018).

Trong năm 2019, kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định. Dưới sự điều hành quyết liệt của Chính phủ, Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước, giá trị đồng tiền Việt Nam đã có mức ổn định cao trong điều kiện nền kinh tế thế giới có nhiều biến động, tỷ giá các đồng tiền trong khu vực và trên thế giới có những thời gian có sự tăng giảm đột biến. Việc điều hành tỷ giá của NHNN Việt Nam đã có nhiều chuyển biến. Tỷ giá của đồng Việt Nam tương đối độc lập so với các đồng tiền nhờ tỷ trọng của một nhóm các đồng tiền trong việc xác định tỷ giá trung tâm. Tỷ giá giữa đồng Việt Nam và USD biến động năm 2019 tăng dưới 2%. Mức độ lạm phát CPI thấp, cả năm chỉ là 2,79%, chỉ số lạm phát cơ bản được kiểm soát ở mức khoảng 2,01%.

Theo WB, lượng kiều hối về Việt Nam năm 2019 ước đạt 16,7 tỷ USD, tương đương 6,4% GDP và thuộc nhóm 10 quốc gia nhận kiều hối nhiều trong năm 2019. Đặc biệt dự trữ ngoại hối được củng cố và tăng cao kỷ lục ở mức hơn 73 tỉ USD (tương đương 15 tuần nhập khẩu). Đây là sự ổn định cần thiết của thị trường tài chính - tiền tệ và được các nhà đầu tư trong nước và trên thế giới đánh giá cao, giúp thu hút lượng vốn đầu tư nước ngoài đáng kể trong điều kiện có sự giảm sút của dòng vốn này trên thế giới.

Tính cả năm 2019, tín dụng ngân hàng cho nền kinh tế đã tăng khoảng 12,1% so với cuối năm 2018 (năm 2018 tăng trưởng tín dụng là 13,3%). Điểm khác biệt là tín dụng tăng ngay từ đầu năm, trải đều qua các tháng thay vì dồn toa vào cuối năm như trước đây. Quan trọng hơn, hiệu quả tín dụng đối với tăng trưởng kinh tế đang có xu hướng cải thiện. Tính toán cho thấy, tốc độ tăng tín dụng cần thiết cho 1% tăng trưởng kinh tế đã giảm xuống nhanh chóng từ trên 2,2% năm 2017 xuống mức bình quân 1,72% năm 2019. Ngày càng có nhiều ngân hàng và doanh nghiệp mở rộng huy động vốn cho sản xuất, kinh doanh từ việc huy động vốn trên thị trường tài chính - tiền tệ. Tăng trưởng vốn huy động từ thị trường chứng khoán thông qua phát hành trái phiếu doanh nghiệp và cổ phiếu bổ sung vốn đạt mức tăng trưởng ấn tượng với hơn 33%.

Bên cạnh đó, việc xử lý các yếu điểm của nền kinh tế trong thời gian trước đây còn tồn đọng đã được đẩy mạnh, đặc biệt là công tác xử lý các dự án lớn không có hiệu quả hoặc là dây dưa kéo dài đã được thực hiện một cách quyết liệt và bước đầu đã cho kết quả khả quan. Việc siết chặt đầu tư công, thực hiện khoán xe công, tiết kiệm chi tiêu NSNN đã được thúc đẩy. Cơ cấu chi NSNN cũng có những thay đổi tích cực. Chi thường xuyên đã có xu hướng giảm còn 60,5% tổng chi NSNN; chi đầu tư phát triển hiện chiếm 25,9%; chi trả nợ gốc chiếm 11,85%; chi trả lãi vay chiếm 7,62% chi NSNN.

Công cuộc đấu tranh chống tham nhũng cũng đã trở thành một trong những vấn đề lớn, góp phần thúc đẩy hoạt động kinh tế đi vào đúng quỹ đạo của nền kinh tế thị trường.

Trong năm 2019, môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh đã có những chuyển biến lớn. Thêm nhiều điều kiện kinh doanh bất hợp lý đã được các Bộ, ngành xem xét, tiếp tục xóa bỏ. Đặc biệt, theo

Bộ NN&PTNT, lĩnh vực nông nghiệp hiện có 272 điều kiện kinh doanh; đã bãi bỏ, sửa đổi theo hướng đơn giản hóa 251 điều kiện kinh doanh, trong đó bãi bỏ 115 điều kiện kinh doanh; 136 điều kiện kinh doanh đã được đơn giản hóa, tỷ lệ cắt giảm đạt 72,7%. Diễn đàn Kinh tế thế giới xếp hạng năng lực cạnh tranh toàn cầu (GCI) của Việt Nam tăng 10 bậc, lên thứ 67/141 nền kinh tế được xếp hạng.

2. Những chỉ tiêu tăng trưởng và biện pháp chủ yếu cho nền kinh tế năm 2020

Để hoàn thành kế hoạch năm cuối cùng của giai đoạn 2016-2020 và chuẩn bị bước vào giai đoạn mới 2021-2025 và tạo tiền đề cho cả giai đoạn 2021-2030, dựa trên dự báo tình hình biến động của nền kinh tế thế giới, sự biến động của thị trường tài chính - tiền tệ thế giới, dựa trên khả năng và các điều kiện của nền kinh tế Việt Nam, Quốc hội đã thông qua 12 chỉ tiêu cơ bản cho năm 2020. Trong đó, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng khoảng 6,8%; Tốc độ tăng giá bình quân (CPI) dưới 4%; Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 7%; Tỷ lệ nhập siêu so với tổng kim ngạch xuất khẩu dưới 3%; Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 33-34% GDP... Đây được cho là những chỉ tiêu tương đối cao và khá thách thức của nền kinh tế trong bối cảnh kinh tế toàn cầu và nền kinh tế trong nước đang đối mặt với nhiều khó khăn, rủi ro lớn. Tuy nhiên, với sự quyết tâm nỗ lực của mọi người dân, mọi chủ thể kinh tế, sự chỉ đạo kiên quyết của Chính phủ và những bài học kinh nghiệm trong những năm gần đây, có thể tin tưởng rằng các chỉ tiêu này sẽ được hoàn thành và hoàn thành vượt mức trong năm 2020.

Để thúc đẩy kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững nhằm đạt được các chỉ tiêu đã được đề ra trong năm 2020 cần thực hiện đồng bộ hàng loạt các biện pháp, trong đó cần nhấn mạnh các biện pháp cơ bản là:

- Tiếp tục giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn, tạo nền tảng cho phát triển nhanh và bền vững. Đặc biệt, cần theo dõi sát tình hình biến động của nền kinh tế thế giới và thị trường tài chính - tiền tệ, chủ động, tích cực quản lý và điều chỉnh tỷ giá hối đoái linh hoạt, phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế, từng bước ổn định và nâng cao giá trị đồng Việt Nam. Theo dõi, quản lý và giám sát các biến động trên thị trường BĐS và thị trường chứng khoán... để có các biện pháp điều chỉnh kịp thời,

tránh để xảy ra các biến động bất thường tác động xấu đến nền kinh tế. Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động giá cả, thị trường, đảm bảo ổn định mặt bằng giá cả. Cần tích cực cấu lại thu chi NSNN, giảm tới mức thấp nhất thâm hụt ngân sách, đẩy mạnh cải cách chính sách thuế, tái cấu trúc và tăng cường hiệu quả chi tiêu công, tích cực giảm thiểu thâm hụt NSNN, giảm bền vững tỷ trọng nợ công và nợ nước ngoài trên GDP.

- Đẩy mạnh cải cách cơ cấu nền kinh tế thực chất hơn, đẩy nhanh quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng dựa vào ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế. Cần phải coi việc ứng dụng công nghệ mới, công nghệ cao vào sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất và chất lượng lao động là động lực chính để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong năm 2020 để tạo bàn đạp cho việc đẩy mạnh thực hiện đổi mới, sáng tạo và chuyển đổi mô hình sản xuất kinh doanh của nền kinh tế cho cả giai đoạn 2020-2030.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tích cực thực hiện chuyển đổi số đồng bộ trong các hoạt động quản lý nhà nước, thực hiện Chính phủ điện tử và chế độ “một cửa”, tiếp tục hoàn thiện môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh, giảm tới mức tối đa các chi phí chính thức và phi chính thức trong đăng ký hoạt động kinh doanh, trong các hoạt động tiếp cận thị trường, tạo môi trường phát triển công bằng, minh bạch giữa các khu vực kinh tế, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và nền kinh tế.

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế tư nhân được coi như một động lực mới giúp thúc đẩy tăng trưởng và phát triển bền vững nền kinh tế trong giai đoạn tăng tốc của nền kinh tế để vượt qua bẫy thu nhập trung bình. Trong thời gian vừa qua, khu vực kinh tế tư nhân đã có sự tăng trưởng bứt phá trên nhiều lĩnh vực, đóng góp khoảng 33% tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội, tạo ra trên 42% GDP của đất nước, nhưng vẫn còn nhiều rào cản và sự đối xử chưa hợp lý để khu vực này được phát triển bình đẳng. Cần tập trung vào các DN tư nhân lớn, kích họ lên thành những đầu tàu, dẫn dắt kết nối được các DN vừa và nhỏ hình thành mạng lưới, dây chuyền sản xuất kinh doanh, đặc biệt phát triển các DNNVV trong lĩnh vực công nghiệp phụ trợ. Từ các DN đầu tàu này, chính các DN nhỏ và vừa sẽ

có động lực để tạo ra sản phẩm đạt chất lượng, đủ tiêu chuẩn quốc tế, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Việc tạo cơ hội để DN vừa và nhỏ trong nước tham gia vào chuỗi cung ứng đã từng được kỳ vọng vào khối FDI, nhưng đã không thành công. Nay nếu các DNTN trong nước có thể trở thành các đầu tàu như vậy, thì cần có các chính sách hỗ trợ đặc biệt để họ lớn mạnh.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế hoạt động của các DNNN theo cơ chế thị trường với những DN mà nhà nước cần nắm giữ với vai trò quản lý và điều tiết nền kinh tế; tích cực, chủ động phân loại và đẩy mạnh cổ phần hóa những doanh nghiệp mà nhà nước không cần nắm giữ, trao cơ hội để các DN tư nhân có thể tham gia bình đẳng, công khai, minh bạch trong một số lĩnh vực như xây dựng cơ sở hạ tầng, cung cấp điện, nước, xăng dầu... theo cơ chế thị trường. Nâng cao hiệu quả đầu tư công và hiệu quả chi NSNN, nhằm tạo cơ sở hạ tầng tốt nhất, phù hợp nhất cho sự phát triển của nền kinh tế trong giai đoạn 2020-2030.

- Trong năm 2020, theo dự đoán của IMF, WB và nhiều nhà kinh tế, nền kinh tế thế giới sẽ gặp nhiều khó khăn, tăng trưởng kinh tế toàn cầu có xu hướng chậm lại, giao thương hàng hóa, dịch vụ có thể sụt giảm. Để thực hiện được các mục tiêu đã đề ra, các doanh nghiệp cần tích cực, chủ động nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới máy móc thiết bị và dây chuyền công nghệ, tăng cường ứng dụng tiên bộ khoa học - kỹ thuật để nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa. Đồng thời, các doanh nghiệp cần đẩy mạnh liên kết để tạo ra chuỗi sản xuất, chuỗi giá trị nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm, đáp ứng các đòi hỏi của các đối tác trong các FTA để được hưởng các ưu đãi do các Hiệp định này đem lại. Việc xem xét, thích ứng và tận dụng các cơ hội để tăng trưởng theo các cam kết của các FTA cần được các doanh nghiệp, các ngành nghề của nền kinh tế Việt Nam quan tâm nhiều hơn nữa.

- Với khả năng tăng trưởng ngoại thương toàn cầu có xu hướng giảm sút, trong điều kiện một số quốc gia nâng cao hàng rào bảo hộ thuế quan và phi thuế quan, cần đẩy mạnh đa dạng hóa thị trường xuất khẩu nhằm tránh các cú sốc có thể xảy ra khi có sự thay đổi chính sách xuất nhập khẩu, thay đổi chính sách thuế quan và phi thuế quan ở các thị trường mục tiêu. Việc đẩy mạnh nhập khẩu các máy móc thiết bị, nguyên nhiên vật liệu từ các quốc gia phát triển, các thị trường mục tiêu xuất

khẩu như Mỹ, EU, Hàn Quốc, Nhật Bản... để vừa có được nguồn linh phụ kiện, nguyên vật liệu đầu vào đảm bảo chất lượng, có thể đáp ứng nhu cầu sản xuất các mặt hàng xuất khẩu cao cấp, vừa nâng cao được trình độ công nghệ sản xuất và tăng năng suất lao động, vừa giúp cân bằng cán cân thương mại, giảm thặng dư thương mại để tránh các xung đột cũng cần được các doanh nghiệp và các nhà quản lý quan tâm.

- Trong điều kiện một số quốc gia nâng cao hàng rào bảo hộ thuế quan và phi thuế quan, các doanh nghiệp trong nước cần nâng cao ý thức tự bảo vệ, đồng thời tích cực đấu tranh chống hiện tượng hàng giả, hàng nhái, hàng gian lận thương mại, hàng đội lốt thương hiệu, giả mạo xuất xứ Việt Nam để xuất khẩu vào các quốc gia đã ký kết các Hiệp định tự do thương mại hoặc đã dành cho hàng Việt Nam các ưu đãi. Việc Hoa Kỳ đánh thuế rất cao (456,23%) vào một số nhóm mặt hàng thép không rỉ có nguồn gốc Đài Loan, Hàn Quốc và điều tra về mặt hàng nhôm đã đặt hàng loạt mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam vào thị trường Hoa Kỳ trước sự kiểm tra ngặt nghèo và các cảnh báo nghiêm trọng.

Năm 2020 là năm bản lề để nền kinh tế bước vào thời kỳ mới 2021-2025 và cho cả giai đoạn 2021-2030. Với những thắng lợi toàn diện trong năm 2019 và những bài học kinh nghiệm được rút ra trong điều hành và quản lý, với sự nỗ lực của các doanh nghiệp và sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị, tin rằng, các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2020 sẽ được hoàn thành toàn diện và vượt mức./.

Tài liệu tham khảo:

Tổng cục Thống kê: Tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2019.

<https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=621&ItemID=19454>

Báo cáo tình hình nợ công năm 2019 và dự kiến năm 2020 của Bộ Tài chính.

Báo cáo tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài 11 tháng năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. <http://www.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=44665&idcm=208>

Xây dựng dự thảo Nghị quyết của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 - Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

<http://www.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=44686&idcm=54>

Thông cáo báo chí của Tổng cục Thống kê về số liệu thống kê quý IV và năm 2019 - Hà Nội, 27/12/2019.

<https://www.gso.gov.vn/Default.aspx?tabid=382&idmid=&ItemID=19453>